

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NINH BÌNH  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/KDTM -ST

Ngày: 30 - 11- 2018

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH TỈNH NINH BÌNH

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm.*

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Bình
2. Bà Đồng Thị Thanh Hương.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Giang Thị Thúy Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình* tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLST- KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXX- ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST- KDTM ngày 21/11/2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng N;** địa chỉ: Số 2 , quận B, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K- Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Bùi Thị Hải Đ - Giám đốc Phòng giao dịch khu vực N thuộc Ngân hàng N - chi nhánh H, tỉnh Ninh Bình (Văn bản ủy quyền số 510 ngày 19/6/2014 của Ngân hàng N và văn bản ủy quyền số 02 ngày 08/8/2017 của Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình).

**2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ,** sinh năm 1969 và **bà Đặng Thị M** (Đặng Thị N), sinh năm 1971; Cùng địa chỉ: Số nhà 34, Đ Ng, phố N, phường NB, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Thế V,** sinh năm 1959 và **bà Đặng Thị Kim D** (Đặng Thị D), sinh năm 1965; Cùng địa chỉ: Số nhà 69, Đ H 2, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình;

Tại phiên toà: Bà Đ có mặt; ông Đ, bà M vắng mặt không có lý do; ông V, bà D vắng mặt có lý do.

### **NỘI D VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Bùi Thị Hải Đ là người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng N trình bày: Ngày 10/12/2015 Phòng giao dịch khu vực N thuộc Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình và ông Nguyễn Văn Đ bà Đặng Thị M (Đặng Thị N) đã ký kết hợp đồng tín dụng số (15109) 3308LAV 201501244/HĐTD và phụ lục hợp đồng. Theo hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ, bà M vay số tiền gốc là 995.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 10/12/2015 đến ngày 10/12/2016, mục đích vay để kinh doanh đồ gỗ nội thất, lãi suất cho vay thỏa thuận áp dụng linh hoạt có điều chỉnh, lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm. Tài sản đảm bảo cho số tiền vay theo hợp đồng tín dụng là tài sản thế chấp lãnh của ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị Kim D (Đặng Thị D). Ngày 20/8/2014 Phòng giao dịch khu vực N thuộc Ngân hàng N, chi nhánh huyện H và ông Lưu Thế V, bà Đặng Thị Kim D đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số (1439) 3308LCP201400707 và biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm số 15109 ngày 10/12/2015, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 76,9m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Đường H 2, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất số Y889966 ngày 23/4/2004 mang tên hộ ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị D; tài sản gắn liền với đất là nhà ở 2 tầng và toàn bộ tài sản xây dựng trên đất gắn liền với đất. Ngày 29/12/2016 đến hạn trả nợ nhưng gia đình ông Đ, bà M không trả được nợ nên toàn bộ số dư nợ của gia đình ông Đ bà M bị chuyển sang nợ quá hạn. Cho đến nay 30/11/2018 ông Đ, bà M (N) còn nợ Ngân hàng N - chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình số tiền gốc là **995.000.000đồng**; Tiền lãi là **277.909.028 đồng** (lãi trong hạn từ ngày 13/2/2017 đến ngày 30/11/2018 là 181.034.722đ; Tiền lãi quá hạn từ ngày 29/12/2016 đến ngày 30/11/2018 là 96.874.306đ). Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/11/2018 là **1.272.909.028 đồng** và lãi phát sinh sau ngày 01/12/2018 cho đến khi trả hết nợ. Nếu ông Đ bà M không trả được khoản nợ nói trên thì đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp của ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị D để đảm bảo thi hành án là quyền sử dụng đất diện tích 76,9m<sup>2</sup>, tài sản gắn liền với đất là nhà ở 2 tầng và toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất đã thế chấp tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Đường H 2, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình theo giấy chứng nhận QSD đất số Y889966 do UBND thành phố Ninh Bình cấp ngày 23/4/2004 mang tên hộ ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị D.

Tại bản tự khai ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị M (N) trình bày: Do có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên vợ chồng ông bà đã nhiều lần làm hợp đồng vay vốn tại Phòng giao dịch khu vực N thuộc Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình

và đều thanh toán gốc và lãi đầy đủ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng có niềm tin làm hợp đồng vay tiếp theo cho vợ chồng ông bà. Tại hợp đồng tín dụng số 3308LAV 201501244 ngày 10/12/2015 và phụ lục hợp đồng được ký kết giữa vợ chồng ông bà và Ngân hàng thì Ngân hàng đồng ý cho vợ chồng ông bà vay số tiền gốc là 995.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để kinh doanh đồ gỗ nội thất, mức lãi suất là 10%/năm. Để đảm bảo khoản tiền vay vợ chồng ông bà có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị D là diện tích 76,9m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 04, tại Đường H 2, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất số Y889966 ngày 23/4/2004 mang tên hộ ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị D. Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1439 ngày 20/8/2014 và biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm số 15109 ngày 10/12/2015. Từ khi vay đến nay vợ chồng ông bà trả lãi cho Ngân hàng được mấy tháng sau đó do suy thoái kinh tế, làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông bà không trả được tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Nay ông bà xác nhận số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/02/2018 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 995.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 99.223.611đồng, tiền lãi quá hạn là 55.968.750đồng. Quan điểm của vợ chồng ông bà do hoàn cảnh làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông bà xin Ngân hàng cho vợ chồng ông bà được trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc là 995.000.000đồng trước, còn tiền lãi vợ chồng ông bà xin Ngân hàng miễn cho vợ chồng ông bà. Phương án trả nợ của vợ chồng ông bà là sẽ bán tài sản của vợ chồng ông bà để trả nợ cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng cho ông bà khoảng mấy tháng để bán tài sản và trả một lần hết luôn số nợ gốc, còn tài sản thế chấp của ông V và bà D thì đề nghị Ngân hàng trả lại cho ông V và bà D.

Tại bản bản khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị Kim D (Đặng Thị D) trình bày: Do có quan hệ anh em, nên khi ông Đ và bà M có nhu cầu vốn để làm ăn và đặt vấn đề mượn vợ chồng ông bà nhà đất để thế chấp cho Phòng giao dịch khu vực N thuộc Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình để vay tiền, vợ chồng ông bà đã đồng ý và có thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất là diện tích 76,9m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 04, tại Đ H 2, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, đất đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất số Y889966 ngày 23/4/2004 mang tên hộ ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị D. Tại hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1439 ngày 20/8/2014 và biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay của ông Đ và bà M số tiền là 995.000.000đồng tại hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng. Nay Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 995.000.000đồng và tiền nợ lãi. Nếu ông Đ và bà M không trả được khoản nợ nói trên thì đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp (bảo lãnh) của vợ chồng ông bà. Quan điểm của vợ chồng ông bà đã trao đổi bàn bạc với vợ chồng ông Đ và bà M, vợ chồng ông Đ và bà M sẽ bán tài sản

của họ để trả nợ cho Ngân hàng. Ông bà đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông Đ bà M có thời gian để bán tài sản trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa đại diện của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận phương án trả nợ của ông Đ bà M, vì ông Đ bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nhiều lần hứa hẹn trả nợ, nhưng phương án trả nợ không có. Do vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Đại diện Ngân hàng chấp hành tốt quy định của pháp luật, đối với bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về việc giải quyết nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 342, 343, 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị M (Ninh), về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị M (N) phải trả cho Ngân hàng No& PTNTVN - chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình số tiền nợ tính đến ngày xét xử 30/11/2018 là 1.272.909.028 đồng. Trong đó: nợ gốc là 995.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 181.034.722 đồng, tiền lãi quá hạn là 96.874.306 đồng. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị M (N) còn phải trả lãi phát sinh tiếp theo hợp đồng tín dụng từ ngày 01/12/2018 cho đến khi trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp ông Đ, bà M (N) chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình được quyền yêu cầu xử lý đối với các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 76,9m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 04, đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất số Y889966 ngày 23/4/2004 mang tên hộ ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị D và tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà mái bằng bê tông cốt thép 2 tầng xây dựng trên đất với tổng diện tích sử dụng là 140m<sup>2</sup> địa chỉ tại Đ H 2, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình không phải nộp án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông

Nguyễn Văn Đ, bà Đặng Thị M (N) phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 21/11/2018, đại diện Ngân hàng có mặt; ông V, bà D vắng mặt có lý do; ông Đ, bà M (N) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Tại phiên tòa ngày 30/11/2018, đại diện Ngân hàng có mặt; ông V bà D có đơn xin vắng mặt; ông Đ, bà M (N) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng tín dụng số (15109)3308LAV-201501244/HĐTD ngày 10/12/2015 được ký kết giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình và ông Nguyễn Văn Đ, bà Đặng Thị M (N) thì Ngân hàng đã cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đặng Thị M (N) vay số tiền là 995.000.000đồng để kinh doanh đồ gỗ nội thất, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 10/12/2015, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn là 15%/năm (lãi suất cho vay thỏa thuận áp dụng linh hoạt có điều chỉnh, lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm). Ông Đ bà M đã nhận đủ số tiền vay là 995.000.000 đồng. Ông Đ, bà M (N) không có mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 07/02/2018 ông Đ, bà M thừa nhận ông bà có ký kết hợp đồng tín dụng số tiền vay và lãi suất như Ngân hàng đã khởi kiện nhưng do điều kiện làm ăn khó khăn ông bà chưa bán được tài sản để trả nợ cho ngân hàng. Tại bản tự khai ông V, bà D thừa nhận có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng đất để cho ông Đ bà M vay tiền tại Ngân hàng.

Như vậy, việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội D và hình thức của hợp đồng đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Ông Đ bà M (N) đều thừa nhận khoản tiền mà hiện nay còn nợ ngân hàng và sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Do ông Đ bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà M (N) phải trả số tiền gốc đã vay là 995.000.000đồng là có căn cứ cần chấp nhận. Thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang được thực hiện nên Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 91, 95 Luật các tổ chức Tín dụng; Tòa án xác định vợ chồng ông Đ, bà M (N) còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 995.000.000đồng (Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Kể từ ngày 13/02/2017 ông Đ, bà M (N) chưa trả lãi cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng được ký kết giữa hai bên nên Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà M (N) trả nợ lãi cho Ngân hàng tính từ ngày 13/02/2017 đến ngày 30/11/2018 là 277.909.028 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là: 181.034.722 đồng, lãi quá hạn là: 96.874.306đồng). Việc tính lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay của ông Đ và bà M (N) là đúng theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng tín dụng và theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy Tòa án chấp nhận tổng số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà M (N) phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 30/11/2018 là: 277.909.028đồng. Ông Đ, bà M (Ninh) phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 01/12/2018 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

Từ sự phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Đặng Thị M (N) phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 30/11/2018 là **1.272.909.028đồng** (trong đó nợ gốc là 995.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 181.034.722đồng, nợ lãi quá hạn là 96.874.306đồng). Kể từ ngày 01/12/2018, ông Đ, bà M (N) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

[4] Về tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay của bị đơn: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng vợ chồng ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị Kim D (Đặng Thị D) đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 76,9m<sup>2</sup> đất, nhà mái bằng bê tông cốt thép 02 tầng và toàn bộ các công trình xây dựng trên tích đất thế chấp tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 04, tại Đ H 2, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất số Y889966 ngày 23/4/2004 mang tên hộ ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị D, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1439 ngày 20/8/2014 và biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm số 15109 ngày 10/12/2015 giữa Ngân hàng và ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị D. Hợp đồng thế chấp đã được Công chứng, chứng thực, đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền là giao dịch hợp pháp thể hiện đây là giao dịch hợp pháp.

Sau khi ông V, bà D thế chấp tài sản cho Ngân hàng, đến cuối năm 2016 thì vợ chồng ông V, bà D có sửa chữa một căn phòng và nhà vệ sinh trị giá khoảng 50 đến 60 triệu. Ông V bà D không đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ tài sản mà ông bà đã sửa chữa, các con ông bà không có đóng góp gì vào việc sửa chữa. Các tài sản đảm bảo đều thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị D. Do vậy nếu ông Đ, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với

Ngân hàng N - chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông V, bà D để thu hồi nợ cho Ngân hàng là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Đặng Thị M (Ninh) phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của số tiền 1.272.909.028 đồng là:  $[36.000.000đ + (3\% \times 472.909.028đ = 14.187.270đ)] = 50.187.270đ$  (làm tròn: 50.187.000đ) (Năm mươi triệu một trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Ngân hàng N không phải nộp án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 342; 343, 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị M (N) về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

1. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị M (N) phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/11/2018 là 1.272.909.028 đồng. (Một tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm linh chín nghìn không trăm hai mươi tám đồng). (Trong đó tiền nợ gốc là 995.000.000đồng và tiền lãi trong hạn là: 181.034.722 đồng, lãi quá hạn là 96.874.306đồng.) .

Kể từ ngày 01/12/2018 ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị M (N) còn phải trả tiền lãi suất quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 15109 ngày 10/12/2015 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng N - chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

- Ngân hàng được quyền tiếp tục quản lý các giấy tờ xác lập quyền sở hữu sử dụng tài sản thế chấp.

- Sau khi ông Nguyễn Văn Đ bà Đặng Thị M (N) thi hành xong số tiền phải trả, thì Ngân hàng N – chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm giải chấp cho ông Lưu Thế V và bà Đặng Thị D toàn bộ các giấy tờ gốc liên quan đến tài sản thế chấp.

- Trường hợp nếu ông Đ, bà M (N) không trả được nợ, thì Ngân hàng N - chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình có quyền yêu cầu đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp của ông Lưu Thế V bà Đặng Thị D để thu hồi nợ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị M (N) phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 50.187.000đ (Năm mươi triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

- Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng No & PTNTVN - Chi nhánh huyện H, tỉnh Ninh Bình số tiền là 22.100.000đồng (Hai mươi hai triệu một trăm nghìn đồng), Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000759 ngày 07 tháng 11 năm 2017.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30 tháng 11 năm 2018; Bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- Chi cục Thi hành án TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**(đã ký)**

***Trần Thị Sâm***



